

Bản án số: **19/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 24 -7-2019

“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa : Bà Hồ Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân :

Bà Phan Thị Mười

Ông Nguyễn Văn Đồi

-Thư ký phiên tòa : Bà Nguyễn Thị Lành – Là Thư ký tòa án nhân dân quận Sơn Trà – TP Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 40/2019/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 25/2019/QĐST-HPT ngày 27 /6 /2019 giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thu H. Sinh năm : 1978. Nghề nghiệp: Lao động phổ thông. Địa chỉ : Tổ 84 A, phường A, quận S, TP Đà Nẵng, Có mặt.

- *Bị đơn:* : Ông Đỗ Đình H. Sinh năm: 1970. Nghề nghiệp: Tự do. Địa chỉ: Tổ 84 A, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng, Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2019 nộp đến Tòa án ngày 14/3/2019, bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn bà Trần Thị Thu H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân : Tôi và ông Đỗ Đình H kết hôn vào năm 2008. Có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà TP. Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện có thời gian tìm hiểu nhau, sau khi kết hôn tôi và ông H sống tại tổ 84 A, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng. Tôi và ông H sống được đến năm 2009 thì tình cảm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông H thường xuyên rượu chè đánh đập tôi, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Tôi và ông H sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống và tôi xác định không còn tình cảm với ông Đỗ Đình H nên tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Đỗ Đình H.

- Về con chung : Tôi và ông H có 01 con chung là Đỗ Đình B, sinh ngày 28/9/2009. Theo đơn khởi kiện tôi có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng con và yêu cầu ông Đỗ Đình H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi nhưng tại phiên tòa hôm nay tôi thay đổi một phần nội dung khởi kiện, tôi không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Tôi xác định không có.

- Về nợ chung: Tôi xác định không có.

Bị đơn ông Đỗ Đình H từ khi Tòa án thụ lý vụ án cho đến khi xét xử không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, không có ý kiến đối với các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không tham gia phiên họp về kiểm tra tài liệu, chứng cứ và hoà giải; không tham gia phiên tòa nên không có ý kiến lưu hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự. Theo đó: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ khâu thụ lý đến phiên tòa xét xử. Nguyên đơn chấp hành

nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn ông H không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định về pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung xét thấy quan hệ hôn nhân của bà H và ông H đã thật sự trầm trọng nên cần áp dụng điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam cho bà H được ly hôn ông H; về con chung: Bà H có nguyện vọng được nuôi con chung là Đỗ Đình B, sinh ngày 28/9/2009 và không yêu cầu ông Đỗ Đình H cấp dưỡng nuôi con chung, ông H không có ý kiến, yêu cầu gì về vấn đề này nên đề nghị HĐXX căn cứ điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam giao con chung là Đỗ Đình B, sinh ngày 28/9/2009 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi, về tài sản chung, nợ chung: không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Đỗ Đình H là bị đơn trong vụ án, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng nhưng không có mặt. Tại phiên tòa hôm nay ông Đỗ Đình H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Bà H và ông Đỗ Đình H kết hôn vào năm 2008. Có đăng ký kết hôn tại UBND phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà TP. Đà Nẵng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 120, quyển số 01 cấp ngày 01/12/2008. Do đó, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn bà H và ông H sống tại tổ 84 A, phường A, quận S, TP. Đà Nẵng. Vợ chồng chung sống đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà H trình bày là do ông H thường xuyên rượu chè đánh đập bà H, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Bà H và ông H sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không ai quan tâm chăm sóc nhau trong cuộc sống. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, bà H xác định không còn yêu thương ông H nên xin được ly hôn với ông Đỗ Đình H, còn ông H đã được Tòa án triệu tập

hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến về quan hệ hôn nhân này. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H thì thấy: Giữa bà H và ông H khi mâu thuẫn xảy ra cả hai bên đều không có giải pháp gì để hàn gắn và xây dựng lại gia đình, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay. Đối với ông H có ý thức để mặc, không tham gia tổ tụng theo triệu tập của tòa án chứng tỏ không còn tha thiết với chính gia đình của mình. Mâu thuẫn vợ chồng bà H, ông H đã đến mức trầm trọng, hai bên không còn mục đích xây dựng hạnh phúc chung. Đại diện tổ dân phố nơi bà H, ông H sinh sống xác định giữa bà H và ông H có mâu thuẫn nên bà H đã sống ly thân với ông H từ năm 2016 đến nay. Do vậy, HĐXX xét thấy không cần thiết phải duy trì cuộc hôn nhân mà thực tế đã không còn tồn tại nữa mà giải quyết cho bà H được ly hôn với ông H là phù hợp quy định tại điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam.

[3]Về con chung: Bà H xác định có 01 con chung là Đỗ Đình B, sinh ngày 28/9/2009. Ly hôn nguyện vọng của bà H được trực tiếp nuôi dưỡng con và không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung. Xét việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo được sự phát triển của con cả về thể chất lẫn tinh thần, cháu Đỗ Đình B có nguyện vọng xin được ở với mẹ, ông H không có ý kiến gì về vấn đề nuôi con nên cần giao con Đỗ Đình B, sinh ngày 28/9/2009 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam. Do bà H không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án không đề cập đến.

[4]Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị Thu H xác định không có. Ông Đỗ Đình H không có ý kiến gì về các vấn đề này nên HĐXX không đề cập giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp, khởi kiện tại Tòa án thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[5]Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đ nguyên đơn bà Trần Thị Thu H phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam;
- Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Trần Thị Thu H đối với ông Đỗ Đình H về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

Tuyên xử: - Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị Thu H được ly hôn với ông Đỗ Đình H (*Do chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Thu H đối với ông Đỗ Đình H nên giấy chứng nhận kết hôn hôn số 120, quyển số 01 do UBND phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng cấp ngày 01/12/2008 không còn giá trị pháp lý*)

- Về quan hệ con chung: Giao con Đỗ Đình B, sinh ngày 28/9/2012 cho bà Trần Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Ông Đỗ Đình H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Khi cần thiết vì quyền lợi của con chung các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không đề cập đến.

*** Về án phí HNGĐ:** Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng bà Trần Thị Thu H phải chịu, được khấu trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Sơn Trà theo biên lai thu số **0007680** ngày **15/3/2019**.

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, **ngày 24/7/2019**. Riêng bị đơn ông H vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKS nhân dân quận Sơn Trà - Đà Nẵng;
- Chi cục THA dân sự quận Sơn Trà, ĐN;
- Các đương sự;
- UBND phường Phước Mỹ, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng
- Lưu hồ sơ, VT.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

HỒ THỊ MỸ DUNG